

Phẩm 35: NHƯ LAI TÙY HẢO QUANG MINH CÔNG ĐỨC

Sớ câu: “Hai là giải thích tên gọi” : Gồm hai phần:

Một: Biện giải về việc được mang tên.

Nói “Tùy theo Tướng lớn”: Tức là ý của Kinh Quán Phật, nơi phẩm trước đã dẫn.

Hai: Từ câu: “Tùy hảo của Như Lai” tiếp xuống: Là giải thích về tên gọi.

Sớ câu: “Soi chiếu về bảy địa”: Tức:

Một là: Địa chủng tánh.

Hai là: Địa Thắng giải hành.

Ba là: Địa Tịnh Thắng Ý Lạc.

Tức là địa thứ nhất.

Bốn là: Địa Hành chánh Hạnh. (Từ địa thứ hai đến địa thứ bảy)

Năm là: Địa Quyết định. (Địa thứ tám)

Sáu là: Địa Quyết định Hành (địa thứ chín)

Bảy là: Địa đáo Cứu cánh (Từ địa thứ mười đến Như Lai địa)

Sớ câu: “Lần lượt mở ra như thế. Huống chi nơi các Tướng”: Trên có năm lớp. Nay vượt hơn khoảng giữa nên gọi là “Lần lượt mở ra”. Nhưng chỗ nêu lên để so sánh ấy cũng hợp với năm lớp.

Nghĩa là:

Thứ nhất: Dùng một Ánh sáng của Nhân so sánh với một Ánh sáng của Quả. Chỗ vượt hơn nên nêu ra.

Thứ hai: Một Ánh sáng của Quả đã như thế, so sánh với nhiều Ánh sáng của Quả.

Thứ ba: Vẻ đẹp dưới bàn chân với Ánh sáng như thế, so sánh với Ánh sáng nơi vẻ đẹp còn lại.

Thứ tư: Ánh sáng của vẻ đẹp như thế đối chiếu nơi một Tướng.

Thứ năm: Một Tướng đã như thế, đối chiếu với nhiều Tướng.

Vấn nơi phần Sớ giải chỉ có nêu câu đầu cùng câu sau. Phần còn lại có thể dựa theo đây để đối chiếu.

Nên lại có thêm hai lớp. Tức:

Thứ sáu: Tướng ngoài đã như thế, so sánh với đức bên trong.

Thứ bảy: Một đức đã như thế, đối chiếu với nhiều đức.

Nên Luận Du Già quyển thứ bốn mươi chín đã nói rộng về nhân của việc nêu lên, so sánh, nói về nhân của Tướng hảo, xong, viết: “Lại, ở trong đó, nói tóm gọn về lượng phước tụ của tất cả chúng sinh... Lại nữa, Tướng tùy hảo ấy, nói tóm lược là do ba Nhân, gọi là Vô lượng:

Một là: Thời Vô lượng, tức tu tập ba A-tăng-kỳ.

Hai là: Ý lạc vô lượng, tức duyên nơi vô lượng chúng sinh để tạo mọi lợi ích, an lạc.

Ba là: Phẩm loại Vô lượng, tức tạo vô lượng nghiệp thiện khác nhau. Cho nên gọi là Vô lượng phước tụ có thể đẩy khởi các tướng tùy hảo của Như Lai”.

Giải thích: Trong Kinh nêu tướng của đối tượng được cảm ứng. Luận thì dẫn nhân của chủ thể cảm ứng. Mà nhân quả cùng thành. Ở đây, văn đã minh chứng để nhận biết đức của Phật là khó nghĩ bàn...

Sớ câu: “Nghĩa là tuy tu theo Thừa giới mà hành mở rộng:”

Tức nơi địa thứ nhất nêu dẫn. Từ đây trở xuống có riêng một cách giải thích khác. Do ý hoàn toàn tỏ ngộ, vì từ xa xưa đã gần gũi các Thiện tri thức, gần gũi các Thiện tri thức của Kinh Pháp Hoa, Niết-bàn, tâm không phóng dật, hiển bày chỗ từng tu hành, dựa nơi các Kinh để tu tập. Về sau nghe Kinh này nói Nhân bao quát cả biển Quả, Quả thấu triệt ngọn nguồn Nhân, liền sinh tâm hủy báng vì thế bị đọa nơi địa ngục. Do nhân tạo từ đời trước, được diệu lực từ uy thần lớn của Phật Tỳ-lô-giá-na làm hiện duyên. Nhân duyên cùng hỗ trợ nên tức thì vượt lên đến thứ mười. Căn cứ đây tức chẳng phải tu giới trì hoãn mà đọa địa ngục. Phẩm Thập địa có đoạn: “Tuy chứng đây thanh tịnh, trí tuệ rộng, sẵn cơ lành lợi sáng suốt, sâu xa thường hay quyết định chọn lựa, tâm bất động như núi chúa, không thể nghiêng đổ, vượt qua biển lớn có hành mà chứa lâu, có hiểu mà chưa đắc, tùy thức mà hành, không theo trí mà lãnh hội, chúng đây sinh nghi hà đọa ác đạo. Ta thương xót chúng nên không nói, chúng đây sinh nghi bèn đọa địa ngục

Lại như nơi Phẩm kệ tán viết:

*“Như Lai thân rộng lớn
Rốt ráo nơi Pháp giới
Chẳng lia khỏi tòa này
Mà hiện bày khắp chốn
Như được nghe pháp ấy
Cung kính tin, vui thích
Lìa hẳn ba nẻo ác
Hết thấy mọi khổ nạn”.*

Giải thích: Quyết định biết rõ không là tu giới trì hoãn.

Thêm nữa, như nơi Phẩm Xuất Hiện nói:

*“Như cỏ khô chất cao thành núi
Ném tí lửa vào ắt cháy hết*

*Cúng dường Như Lai công đức ít
Tất khiến diệt khổ đạt Niết-bàn”.*

Sớ từ câu: “Nhưng thiện căn nghiệp ác” tiếp xuống: Là nhằm ngăn chặn vấn nạn về chỗ giải thích văn. Tức có vấn nạn: Địa ngục và thân đã do nơi ác nghiệp, tức từ trong ác nghiệp mà đến, nghiệp trước báo thành Phật tức từ trong thiện căn mà đến, tại sao đều nói không phải mười phương đến?

Nay giải thích để thông tỏ: Chính là do từ nghiệp. Tức từ duyên Vô tánh đến nơi là không đến. Nếu không từ duyên tức có tánh cố định, chẳng được “Không đến” Trung Luận viết:

*“Như pháp từ duyên sinh
Tức không có định tánh
Nếu không có định tánh
Làm sao có pháp này!”*

Tức nghĩa nhân duyên nên Không.

Sớ câu: “Nên nhân duyên tức là Trí Tuệ”:

Tức nêu tóm lược, ngầm dẫn Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi một để chứng minh, phần Sớ giải ở trước đã dẫn. Kinh ấy nói: “Pháp của Trí Tuệ chẳng từ nhân duyên, vì sao lại hỏi về nhân duyên?” Nay dùng cách diễn đạt như trên.

Sớ câu: “Trước là chỉ giáo để nhận biết về sự thọ sinh, khiến bỏ kiến chấp sai lạc”:

Tức nơi Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ hai mươi một nói: “Nếu thấy Như Lai thật sự sinh nơi Vương cung, lấy vợ, sinh con v.v... rồi nơi rừng Sa La diệt độ là sự thấy lệch lạc của hàng nhị thừa”.

Sớ câu: “Cho nên biết, Phật hóa hiện chỗ sinh chẳng phải chết đi rồi sinh ra”: Tức nơi Kinh Tịnh Danh, Phẩm Quán chúng sinh. “Tôn giả Xá lợi phát hỏi Thiên nữ: Thiên nữ chết ở đây thì sẽ sinh ở đâu? Thiên nữ thưa: Phật hóa hiện chỗ sinh thì con cũng sinh như thế. Tôn giả Xá lợi phát nói: Phật hóa hiện chỗ sinh chẳng phải là chết đi, sinh ra. Thiên nữ thưa: Chúng sinh cũng vậy, chẳng phải chết đi sinh ra”.

Sớ câu: “Trước nêu rõ Pháp thân không sinh, hiện hữu khắp mà chẳng thể thấy”: “Phả” là chẳng thể. Phẩm Xuất Hiện viết:

*“Ví như Pháp giới hiện khắp cả
Chẳng thể thấy cho là tất cả
Cảnh giới chư Phật cũng như vậy
Hiện hữu khắp mà chẳng phải khắp”.*

Sớ câu: “Chẳng phải cho là được chọn nơi chốn sinh”:

Kinh Bản Hạnh nói: “Như Lai sắp sửa hạ sanh, đã dùng thiên nhãn thanh tịnh quan sát cõi Diêm phù đề có nơi chốn nào thích hợp với việc hạ sinh của mình”. Cho đến đoạn nói: “Chỉ có Vương gia của Vua Tịnh Phạm là thích hợp, các gia tộc khác thì không thể”. Tức giống như có sự lựa chọn nơi chốn sinh. Nhưng là Trí không phân biệt thật ra không có lựa chọn. Là Bi của Trí ứng hợp với vật, tức chọn lựa mà “Không có chỗ nào chọn lựa”.

Sớ câu: “Sau là như pháp để chính thức giáo hóa”: Trên đây là nêu lên chương.

Từ câu: “Phàm muốn hồi lỗi” tiếp xuống: Là giải thích rộng về Tướng. Gồm hai:

Một: Nêu rõ bệnh của đối tượng được trị.

Hai: Hiện bày thuốc của chủ thể đối trị.

Đây tức là ý nơi sách Chỉ Quán của Tông Thiên Thai.

Nay nói về phần một, văn nơi bản Sớ giải chỉ lược nêu về tên gọi.

Văn đầy đủ là:

Thứ nhất: Tự từ vô trí, do phần phiền não lôi cuốn nên tâm thức tối tăm mê muội vọng chấp ta người. Vì vọng chấp ta, người nên dấy khởi Thân kiến. Do Thân kiến nên có vọng tưởng điên đảo. Vì điên đảo mà khởi tham sân si. Do si mê tạo khắp các nghiệp, lưu chuyển trong sinh tử.

Thứ hai: Bên trong đã gồm đủ phiền não. Bên ngoài gặp bạn ác. Pháp tà lay động khiến cho Tâm ta càng thêm lầm lạc bội phần.

Thứ ba: Trong ngoài, duyên ác đã đủ, nên có thể trong thì diệt tâm thiện, ngoài thì diệt sự thiện. Lại, đối với điều thiện nơi người khác thì hoàn toàn chẳng tùy hỉ.

Thứ tư: Ba nghiệp được buông thả thì không điều ác nào mà chẳng làm.

Ba thứ năm, sáu, bảy hoàn toàn giống với phần Sớ giải đã nêu.

Chỉ nói thứ tám, nói “Lỗ Hổ”, cũng gọi là “Bạt Hổ” tức đều chỉ cho dạng mạo chẳng tôn kính (bướng bỉnh, ương ngạnh).

Đoạn sau tóm kết viết:

“Đó là mười thứ thuận theo dòng chảy của sinh tử, mê mờ, điên đảo tạo tác, như trùng bọ trong hầm xí thích ở hầm xí, chẳng nhận thức, biết rõ, tích tập nhiều kiếp chẳng thể đếm kể. Các tội bốn trọng, ngũ nghịch cực điểm đến hạng Xiển đề, cứ thế trong dòng sinh tử cuộn chảy, không có bờ bến.

Sớ từ câu: “Tiếp theo, dấy khởi mười thứ tâm” tiếp xuống:

Là phần thứ hai, hiển bày về thuốc của Chủ thể đối trị.

Sách Chỉ Quán viết: “Nay muốn sám hối cần phải đi ngược lại dòng chảy tội lỗi ấy, dùng mười thứ Tâm để diệt trừ trở lại các pháp ác”.

1) Tin tưởng đúng đắn vào thuyết nhân Quả, quyết định hiểu rõ nghiệp chủng tuy lâu đời nhưng không hoại mất, nên quyết không tự mình tạo, dạy người khác tạo tội để thọ quả Nhận biết chính xác về thiện ác, không sinh nghi hoặc. Đó là phát tâm tin tưởng sâu xa, phá trừ tội nhất xiển đề thứ nhất.

2) Tự hổ thẹn trách mình, hèn hạ. Người tội nặng nhất là không biết xấu hổ thẹn thùng. Tập theo lối sống của hạng súc sinh ruồng bỏ pháp trang nghiêm tốt nhất là sự trong sạch. Than ôi! Không có kiểm chế mà gây nên trọng tội, Trời thấy ta che dấu tội, thế nên xấu hổ với trời. Người thấy ta gây tội rõ ràng, nên thẹn với người. Dùng tâm này để phá trừ tâm không biết xấu hổ, thẹn thùng.

3) Phát khởi tâm sợ hãi nẻo ác, nghĩ đời người là Vô thượng, một hơi thở đi không trở lại, biên biệt đi rồi, đường đi xa tít mịt mù chẳng chút hành trang, biển khổ mênh mông sâu thẳm, chẳng có thuyền bè nương cậy. Đạo Thánh hiền thì mắng bỏ, không hề nhờ dựa, tuổi tác còn ít, gió đạo chẳng nhiều, nhưng há có thể điềm nhiên ngồi chờ cảnh đau đớn ê chề! Ví như con dả can mất tai, đuôi, răng, vờ ngủ yên mong cứu thoát, chợt nghe bị chặt đứt đầu tâm hoảng sợ vô cùng. Gặp cảnh sinh lão bệnh ở đời còn chẳng cho là gấp việc chết chẳng nhiều mong đợi há chẳng sợ ư! Khi dậy khởi tâm sợ này, thì như người dậm phải nước sôi, lửa nóng, sáu trần năm dục chẳng răng để tham nhiễm. Như em vua A dục ngồi ở ngự sàng, mong làm Đại Đế vương, bỗng nghe kẻ Chiên-đà-la sáng sáng khua chiên, một ngày đã qua, sáu ngày sẽ chết. Tuy lúc ấy có đủ năm dục thọ hưởng mà tâm chẳng chút nghĩ đến hưởng thụ đắm yêu. Vì sợ hãi khổ dẫn đến việc sám hối chẳng tiếc thân mạng. Như con dả can kia, biết chắc rằng chết, tuyệt không nghĩ nhớ mông lung. Vì thế dùng tâm sợ này phá trừ tâm chẳng sợ đường ác.

4) Nên phát khởi, bày tỏ ra những lỗi lầm của mình mà không che dấu. Giặc cướp, thuốc độc, cỏ dữ gấp mau trừ bỏ phải bày gốc ra, không càn, nguồn cạn, dòng hết, nếu che dấu tội thì người chẳng thể hoàn lương. Ngài Ca diếp đầu đà thường khiến phát lộ tội lỗi trong đại chúng, Kinh Phương đẳng thì hướng đến một người, còn nhiều pháp thực hành khác nữa. Cốt chỉ tâm thành thật hướng trước tượng Phật, tự mình mong cầu sửa đổi. Như có ứng nhọt mà che dấu, kiêng kỵ chẳng chữa thì chỉ

còn chờ chết! Do đó, dùng tâm này sám hối, để trừ tâm che dấu tội lỗi.

5) Tâm đoạn sự nối tiếp. Như sám hối rồi sau lại làm tội lỗi. Đó gọi là nối tiếp. Ví như vương pháp, phạm lần đầu thì nhẹ, lần sau phải nặng. Cũng vậy người mới vào đạo tràng có tội thì dễ diệt, lại tái phạm thì khó trừ. Như đã có thể nhỏ, mưa ra còn nuốt lại? Dùng tâm này đoạn trừ tâm luôn nghĩ đến việc ác.

6) Phát tâm Bồ đề: Xưa kia là tự mình an, người ta nguy, khắp phiền não tất cả cảnh. Nay mở rộng tâm đồng cứu giúp, khắp đến cõi hư không lợi ích tất cả ngoài mình. Dùng tâm này phá trừ, thay đổi tâm khởi ác đối với khắp mọi nơi.

7) Dùng tâm tu làm công bù đắp cho lỗi. Nghĩa là xưa kia dùng ba nghiệp tạo tội, bất kể ngày đêm, nay dùng ba nghiệp tu thiện, siêng gắng chẳng ngừng. Không có thể dời núi, sao lấp được biển, là ý nghĩa đó vậy. Dùng tâm này phá trừ, thay đổi tâm buông thả hành trong ba nghiệp.

8) Tâm gìn giữ bảo vệ chánh pháp: Xưa kia tự mình hủy mất thiện hủy luôn cả thiện của mọi người, chẳng biết tùy hỷ cho mình cho người. Nay phát tâm gìn giữ bảo vệ các Thiệm phương tiện làm cho thêm rộng chẳng để đoạn tuyệt. Kinh Thắng Man viết: “Tâm gìn giữ bảo vệ Chánh pháp, thâm nhiếp nhận lãnh chánh pháp là tâm bậc nhất. Dùng tâm này phá trừ tâm không tùy hỷ. Nay Sở giải chỉ nói: Tùy hỷ việc thiện của người khác tức chọn lấy ý đối với văn trên.

9) Tâm nghĩ đến Phật ở mười phương. Xưa gần gũi bạn ác xấu, tin nhận lời họ. Nay nghĩ đến Phật ở mười phương, nghĩ đến đức Từ, Bi, Hỷ, xả... nghĩ đến trí vô phân biệt... Không nhờ cậy đến bạn, mà tưởng đến bậc Đại Đạo sư. Dùng tâm này để phá tâm thuận theo bạn xấu.

10) Tâm quán tánh của tội là không. hiểu thấu rõ tâm tham dục, sân, si, đều là cửa đi vào sự vắng lặng. Vì sao? Vì chúng khởi lên ở chỗ nào? Chúng dừng lại thì biết trụ ở vọng niệm, vọng niệm trụ ở điên đảo, điên đảo trụ ở thân kiến, thân kiến trụ ở ngã kiến. Ngã kiến thì không có chỗ trụ, mười phương tìm cầu ngã thật sự chẳng có được. Tâm của ngã tự là không thì tội phước không có chủ, hiểu rõ sâu về tướng tội phước, chiếu khắp mười phương, khiến cho không tuệ tương ưng với tâm. Như khi mặt trời hiện, sương sớm đều tan. Tất cả các tâm đều là cửa ngõ tịch diệt; vui tịch tĩnh. Dùng tâm này phá trừ tâm vô minh hắc ám.

Phần tóm kết viết: “Đó là mười thứ sám hối, thuận hợp nẻo Niết-bàn, nghịch lại dòng chảy sinh tử. Có thể diệt trừ tội lỗi bốn trọng, năm

ngịch. Nếu chẳng thấu rõ về mười Tâm ấy thì hoàn toàn chẳng biết được phải trái còn nói làm gì đến sám hối? Giả như có vào đạo tràng chỉ uổng công chịu khó tu hành, rốt cuộc không được lợi ích gì. Kinh Niết-bàn nói: Nếu cho gắng tu khổ hạnh là nhân duyên gần của đại Niết-bàn thì không hề có điều ấy”. Tức là ý này. Đó gọi là việc diệt trừ trọng tội trong pháp Sám hối về sự.

Sớ câu: “Vừa theo thứ lớp của việc dấy khởi Tâm”:

Từ nhỏ nhiệm đến hiện rõ, nên sự phá trừ, thay đổi tức từ thô tới tế. Nghĩa là, trước dấy khởi tâm tin tưởng, tiếp sau sinh tâm hổ thẹn. Như chiếc áo bị cáu bẩn nhận lấy cáu bẩn thì trước là chưa rõ (ẩn giấu) sau thì hiện rõ. Nếu khi giặt giũ thì trước là tẩy trừ chỗ cáu bẩn thô, sau mới tẩy trừ chỗ cáu bẩn tế.

Nói: “Trong đó do nói hơn kém”: Tức tâm Bồ đề là tối thắng v.v...

Sớ câu: “Một là phát tâm Bồ đề, là chỗ dựa của sự sám hối”:

Dựa nơi Tâm Bồ đề để sám hối mới là sự sám hối chân thực. Sám hối mà chẳng phát tâm thì chẳng phải là chân thiện. Cho nên nơi quyển thứ năm mươi tám (Kinh Hoa Nghiêm) nói: “Quên mất tâm Bồ đề, tu tập các thiện căn, đó là nghiệp của ma”.

Từ câu: “Là do gốc của Hành” tiếp xuống: Là phần thông tỏ chỗ vướng mắc về “Không thứ lớp”. Nghĩa như ở trước đã nêu.

Sớ câu: “Phần còn lại như chỗ nêu bày riêng”: Đây có hai sự việc:

Một: Nêu rõ về Thể của hai chương, phần Sớ giải tiếp sau lại biện minh.

Hai: Biện minh về chỗ nêu bày riêng là thấy rõ chương, như vừa dẫn sách Chỉ Quán để nói.

Sớ câu: “Mỗi mỗi trước Phật và trước chúng sinh”: Phật là chủ của việc Sám hối, dựa nơi Phật là chủ thể dứt trừ. Chúng sinh là cảnh của đối tượng được đối trị, trước đã từng não hại.

Sớ câu: “Đã ở nơi người, trời, phàm, Thánh”:

Tức trong mỗi mỗi chúng đều có “Trời”, trước mỗi mỗi Phật có Thánh. Thánh, Trời thấy mình che giấu tội lỗi. Người thấy mình bày rõ tội lỗi, nên là hổ thẹn.

Nơi một đoạn này phần Sớ giải dùng một đoạn Kinh, nhưng có hai ý:

Một: Dùng sự đối trị khắp để đảo ngược lại chỗ không biết Hổ thẹn.

Hai: Từ câu: “Do ý vận hành khắp” tiếp xuống: cũng là dùng sự đối trị khắp để đảo ngược lại phần thứ tư: Ba nghiệp buông thả.

Sớ câu: “Gồm luôn việc hiển bày vọng chấp về Ta, Người”: Do quán tánh của tội là Không chính là phá trừ vọng chấp.

Nói: Gồm luôn việc hiển bày”: Do ở đây có hai ý:

Thứ nhất: Gồm luôn việc hiển bày về đối tượng được đối trị, nên ba sự sau đều là đối tượng được đối trị. Tiếp theo thì mỗi mỗi sự đều có Chủ thể đối trị. Tức là với “Thắng nghĩa không” đã phá trừ vọng chấp về Ta, người; Làm rõ chẳng phải là đoạn, thường, phá trừ sự phủ nhận cho là không có nhân quả, đối nơi Phật ở mười phương là để đảo ngược lại sự “Bên ngoài gặp duyên xấu ác.”.

Thứ hai: Quán Không chính là phá trừ chỗ chấp về Ta, người thgeo chiều ngang. (Không gian).

Nay thêm hai phần sau gọi là “Gồm luôn”. Chỉ một “Tánh Không” đã phá trừ ba lỗi lầm.

Sớ từ câu: “Nay nói về phần một, Nghiệp là nhân của Báo, là đứng đầu của ba chương” tiếp xuống: Là nêu ra sự sám hối riêng về Nghiệp cùng lý do phải sám hối trước. Ở nơi văn có thể nhận biết.

Từ câu: “Chẳng phải là trước có Thể tánh” tiếp xuống: Là giải thích Kinh. Gồm hai chi tiết:

Một: Giải thích: “Chẳng phải từ phương Đông đến”: Là do không có Thể tánh, tức là nghĩa Không.

Hai: Giải thích: “Từ diên đảo sinh”:

Nói: “Giải thích nguyên do của Không”: Từ nhân duyên sinh tức là nguyên do của Không.

Do từ diên đảo sinh, nên xác nhận nghĩa Không là không có Thể tánh.

Từ câu: “Do biến nghiệp chương” tiếp xuống: Là văn của Kinh Phổ Hiền Quán. Dẫn văn này để xác nhận hai nghĩa nêu trên. Tức tất cả biến nghiệp chương đều từ Vọng tưởng sinh. Như muốn Sám hối thì phải ngồi ngay thẳng quán niệm về Thật tướng.

Nói: “Khiến cho Không tuệ ấy cùng với Tâm tương ứng”:

Tức cũng văn của Kinh Phổ Hiền Quán. Dùng đoạn Kinh ấy để giải thích phần Kinh hiện tại, quyết định thấy rõ, không nghi hoặc.

“Không tuệ tương ứng” thì Tuệ ấy là sự quyết đoán. “Có thể nhận biết như thế” là trở lại giải thích chữ Bồ-tát. Do Khiến Thiên tử sám hối nên gọi là Bồ-tát. “Như thị”, là do thấy rõ lý của hai Không, tức là Bồ-tát.

Sớ câu: “Do dụ, Tục có Chân không”: Tức là ý của Trung Luận duyên sinh là “Huyền có” là Tục. Lý không của Vô tánh là Chân.

Sớ câu: “Có hai văn về Không thì ba chương đều lược bớt”: Tức trong phần nói Có, thì lược không nói về “Báo chương”. Nơi văn nói về không thì lược không nêu về “Phiền não chương”. Từ câu “Đã là Vô ngã” tiếp xuống là lãnh hội mười tám nêu trước.

Từ câu: “Như cho là Không, chư Phật chẳng hóa”: Trung Luận viết:

*“Chư Phật nói pháp Không
Là lìa nơi chấp Có
Nếu lại chấp có Không
Chỗ chư Phật chẳng hóa”.*

Sớ từ câu: “Nên nay hiển bày chẳng phải là không của đoạn” tiếp xuống: Là lãnh hội mười tám ở trên. Là do duyên nên thành không của Vô tánh, do đó chẳng phải là không của đoạn. Kinh nói: “Nhưng thọ nhận báo kia”: Tức cũng giống với Kinh Tịnh Danh nói: “Không ngã, không tạo tác, không thọ nhận. Nghiệp của thiện ác cũng chẳng mất”.

Sớ câu: “Quyết định có tức thường, Quyết định không tức đoạn”: Cũng là kệ của Trung Luận. Kệ viết:

*“Định Có tức chấp thường
Định ba Không tức chấp đoạn
Vì thế người có trí
Chẳng nên chấp có, Không”.*

Nói: “Đều có và cũng” là hai: Đều có cả Có và Không thì hai kiến chấp cùng trái nhau. Cũng chẳng lìa nhau, tức là nói cũng đoạn, cũng thường.

Cùng phá trừ hai kiến chấp, nên Kinh viết: “Chư Phật chẳng nói có pháp đoạn, thường”.

Sớ từ câu: “Nên tuy Không mà chẳng là đoạn” tiếp xuống:

Cũng là kệ của Trung Luận. Kệ nêu:

*“Tuy không, cũng chẳng đoạn
Tuy có mà chẳng thường
Tội phước cũng không mất
Đó là lời Phật nói”.*

Sớ câu: “Khiến cho nghĩ chân thật về phương chư Phật ở mười phương”:

Tức nếu không rõ chính là “Tâm mà chấp thấy từ ngoài đưa đến, giữ lấy những gì thuộc về sắc thì đâu biết “Tức Tâm tức Phật”. Như biết

Tâm ,Phật, Chúng sinh, ba thứ không sai biệt là sự niệm Phật chân thật. Thiện tri thức nói: “Niệm Phật tức là niệm Tâm. Niệm Tâm tức là niệm Phật. Phật không hình tướng. Tâm không sinh diệt. Tâm, cảnh hợp làm một nên gọi là niệm chân thật”.

Sớ câu: “Lại, nghiệp cũng như Huyền”:

Tức nghĩa của hai lớp Huyền như trước đã dẫn.

Từ câu: “Lại nữa, Huyền chẳng phải là Có, Không” tiếp xuống: Trên là biện minh về Tánh Không. Từ đây trở xuống là nói về Trung đạo.

Sớ câu: “Do diệu lực của Tam muội nên âm thanh được nghe khắp”: Là giải thích chỗ vướng mắc. Vướng mắc cho rằng: “Cõi này là Trời đầu Suất, Trống trời nói pháp. Vì sao nói lợi ích đến trăm ngàn ức còn ư?” Ý đáp lại có thể nhận biết.

Sớ câu: “Nay nói về phần một đều có chữ “Cố” v.v...”: Văn nơi phần Sớ giải gồm năm:

Một: Nhắc lại nghĩa của Kinh.

Nói: “Giống như nhắc lại phần trước làm nhân”: Tức giống việc do nghe, hồi hướng, đạt được thập Địa cùng Tam muội. Ba thứ ấy là nhân, thấy Phật là lợi ích.

Hai: Từ câu: “Nhưng trước đây chưa có” tiếp xuống: Là nêu ra lý do chẳng hợp với việc thêm chữ “Cố”.

Ba: Từ câu: “Là do Tấn Kinh” tiếp xuống: Là dẫn Kinh xưa để làm chứng.

Bốn: Từ câu: “Cho nên cho là nghe, nói” tiếp xuống: Là lãnh hội đúng đắn về văn của Kinh.

Năm: Từ câu: “Câu trên nói về đắc vị” tiếp xuống: Là giải thích văn. Vị tức là thập Địa.

Nói “Câu dưới là nói về thành hành”: Tức là các lực nơi phần Tam muội trang nghiêm.

Từ câu: “Đạt được mười lực” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa của lực. Tức mười lực là đức của quả vị Phật. Nay nói “Đạt được” tức đạt được phần ấy.

Sớ câu: “Hoặc mê nói thành đế”: Tức là nghĩa của mười đế trong địa thứ năm. Nói “Mười đế” tức mười thứ quan sát về bốn Thánh đế, gồm:

- 1) Nhận biết đúng về Tục đế
- 2) Nhận biết đúng về Đệ-nhất-nghĩa-đế.
- 3) Khéo nhận biết về Tướng đế.

- 4) Khéo nhận biết về Sai biệt đế.
- 5) Khéo nhận biết về Thành lập đế.
- 6) Nhận biết đúng về Sự đế.
- 7) Nhận biết đúng về Sinh đế.
- 8) Nhận biết đúng về Vô sinh đế.
- 9) Khéo nhận biết về Nhập đạo đế.

10) Khéo nhận biết về thứ lớp thành tựu của tất cả Bồ-tát địa, cho đến khéo nhận biết về đế của sự thành tựu Trí Như Lai.

Nay nói “Thành tựu” tức là phần thứ năm: “Thành lập tên gọi của đế” trong chỗ Luận giải thích Kinh. Do Quán thứ năm kia đối với sự tập thành duyên khởi của bốn đế, nên nêu riêng tùy theo ngôn từ mà hiển bày chỉ rõ. Trong Luận gọi là “Nói thành”.

Sớ câu: “Nhưng cả hai đều có lý”: Tức phần Sớ giải kết hợp để thông tỏ cùng với văn nói về chỗ chưa thấy, nên chưa thể lấy, bỏ. Chỉ dùng lý để thông tỏ. Nhưng chỗ giải thích ở trước giống như dụ cho phiền não, còn chỗ giải thích sau thì giống như căn cứ nơi nghiệp. Lại do mê nơi mười đế nên nghĩa “Hoặc” có nhiều.

Sớ câu: “Lại có cách giải thích khác như nơi Kinh Hiền Kiếp”: Là kết hợp để thông tỏ về cách giải thích khác. Tức nơi chín địa đã dẫn.

Sớ câu: “Nay nói về phần một, dựa theo Tấn Kinh nói: gieo trồng một hằng hà sa” tiếp xuống: Văn gồm hai:

Một: Giải thích chung về “Kim Vãng thanh tịnh”.

Hai: Giải thích riêng về câu: “Một hằng hà sa”.

Trong phần một có ba chi tiết:

Thứ nhất: Dẫn Tấn Kinh, bản tiếng Phạm để xác nhận về nghĩa “Bảo Vãng”.

Thứ hai: Nêu dẫn lần nữa về Kinh hiện tại.

Thứ ba: Dẫn Kinh Anh Lạc để xác nhận cho hai Kinh trên.

Nay nói về phần một:

Nói: “Nhiều loại Luân vương”: Tức Bảo Vãng là một. Chữ vân vân là chỉ cho Kim Vãng, Lưu Ly. Nhiều nên có một hằng hà sa.

Nói: “Chẳng phải là chỗ nhiều thiện của một Luân vương”: Tức dùng chỗ Kinh cũ để phê phán chỗ Kinh hiện tại, nói: “Gieo trồng một Hằng hà sa thiện căn của Chuyển Luân vương Kim Vãng thanh tịnh”. Tức một Luân vương có nhiều thiện.

Nói “Bản tiếng phạm cũng thế”: Tức dùng bản tiếng phạm để xác nhận cho Tấn Kinh.

Sớ câu: “Mà nói Kim Vãng thanh tịnh”: Là chi tiết thứ hai, nêu

dẫn lần nữa về Kinh hiện tại.

Sớ từ câu: “Dựa theo Kinh Anh Lạc, quyển thượng” tiếp xuống: Là chi tiết thứ ba, dẫn Kinh Anh Lạc để xác nhận cho hai Kinh trên. Gồm ba:

Một: Nêu dẫn Kinh.

Hai: Xác nhận cho Tấn Kinh.

Ba: Xác nhận cho Kinh hiện tại.

Một: Nói: “Đến địa thứ bảy có mười ba Bảo tướng luân”: Do địa thứ nhất có bảy Bảo (Báu), địa thứ hai có tám, địa thứ ba có chín, địa thứ tư có mười, địa thứ năm có mười một, địa thứ sáu có mười hai Báu, địa thứ bảy có mười ba Báu. Địa thứ tám trở lên thì số lượng Báu không tăng, nên chỉ nói: “Phần lớn ứng hợp Bảo tướng luân”.

Sớ từ câu: “Nếu thuận nơi Tấn Kinh” tiếp xuống: Là phần hai, Xác nhận cho Tấn Kinh. Nghĩa Là, nay đạt được địa thứ mười là thành tựu thiện căn của chín địa trở lên, nên: “Bạch tịnh” đồng với “Bạch Vân Bảo”.

Từ câu: “Tức trước là Hương Tràng Vân” tiếp xuống: Là dẫn hàng Kinh trước để chứng minh xác nhận cho Tấn Kinh. Tấn Kinh có chữ Bạch, trước có chữ Vân. Hai Kinh hợp thành nghĩa “Bạch Vân Bảo” của Kinh Anh Lạc.

Sớ từ câu: “Nếu thế thì chỉ là đối tượng được so sánh, tức Kim Vãng chẳng mất” tiếp xuống: Là phần ba, kết hợp để lãnh hội Kinh hiện tại. Lại gồm hai chi tiết:

Một: Thuận theo Tấn Kinh để gồm thâu Kinh hiện tại.

Tức Tấn Kinh cho đạt được địa thứ mười thì có chín địa trở xuống với chỗ thiện của các Luân Vương Bạch Tịnh Bảo. Kinh ấy viết: “Bạch Tịnh Bảo Vãng v.v...”. Vân vân tức so sánh nơi Kim, Ngân Luân. Nếu chủ thể so sánh ấy là Kim Vãng tức địa thứ mười chẳng phải là Kim. Như cho đối tượng được so sánh là Kim thì Kim v.v... đâu có mất. Tức Tấn Kinh cho từ chín địa hưởng xuống, Kinh hiện tại chính trong thập Hội Hương hưởng lên.

Nói: “Không mất”: Tức cũng là có nhiều thứ thiện căn của Luân Vương. Nghĩa là đạt được một hàng hà sa thiện căn của Luân Vương Kim Vãng v.v... nên nói là không mất.

Sớ từ câu: “Nếu cho địa thứ mười là Kim Vãng thanh tịnh chính là địa thứ mười hiện có” tiếp xuống: Là chi tiết thứ hai, thuận thẳng nơi nghĩa một Chuyển Luân Vương Kim Vãng có nhiều thiện căn. Dùng ba nghĩa để chứng minh, xác nhận:

Thứ nhất: Dùng nghĩa ngọc Vô úy là thanh tịnh.

Thứ hai: Dùng nghĩa người giáo hóa, thấu tóm theo mức độ, hạn lượng đồng với địa thứ mười. Tức nơi hàng tiếp theo của Kinh viết: “Trụ nơi bậc Chuyển Luân Vương ấy, ở trong số thế giới nhiều như số vi trần nơi trăm ngàn ức na do tha cõi Phật, để giáo hóa chúng sinh, chính là đồng với mức độ giáo hóa, giới hạn thấu tóm quá trong địa thứ mười”.

Thứ ba: Từ câu: “Cho nên phần sau, vị Vương ấy” tiếp xuống: Là dùng văn nó về ích lợi chuyển biến để chứng minh, xác nhận. Ích lợi chuyển biến của vị Vương ấy hầu như đều đạt được nơi địa thứ mười, nên biết vị Vương ấy tức chỉ địa thứ mười. Do vậy, Kinh viết: “Bồ-tát an trụ nơi bậc Kim Vãng Chuyển Luân Vương cũng lại như thế”. Tức Kim Vãng chẳng phải là đối tượng được so sánh, mà chính là địa thứ mười. Song chữ “Kim” kia, nơi Kinh Anh Lạc tuy không có, mà các Kinh còn lại cũng có, nên Kinh Kim Cương Đỉnh đã nói rộng về Kim Luân nơi đỉnh đầu của Phật.

Sớ từ câu: “Nói một hằng hà sa” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích riêng về câu “Một hằng hà sa thiện căn”. (Phần một là giải thích chung về “Kim Vãng thanh tịnh”).

Tuy Kim luân là đối tượng được so sánh, nhưng có thể gồm đủ các nghĩa, tức chẳng đồng. Còn “Một hằng hà sa thiện căn” thì hai Kinh phải là một”.

Nói “Chín địa trở lui”: Chính là thuận nơi Tấn Kinh, từ Bạch tịnh nơi địa thứ chín hướng xuống.

Sớ câu: “Kinh hiện tại, tóm lược ở sau, trong phần hợp với dụ”: Là nêu ra việc Kinh hiện tại thiếu phần nói về lý của Ánh sáng. Tức là phần Sơ thiền đạt được về sau, trong chỗ hợp với dụ. Kinh viết: “Bồ-tát Ma ha tát trụ nơi bậc Kim Vãng thanh tịnh Chuyển Luân Vương, phóng ra Ánh sáng thanh tịnh của Ma ni kế”.

Sớ từ câu: “Nếu nói trực tiếp là được gặp Ánh sáng ấy” tiếp xuống: Là dùng lý để thành lập.

Sớ câu: “Cũng là nhắc lại trong chỗ hợp ở trước”: Tức là văn nói về chỗ kết hợp trong dụ “Thế giới nơi tấm gương”, ở trước đã nêu rõ. Văn viết: “Bồ-tát an trụ nơi bậc Kim Vãng thanh tịnh Chuyển Luân Vương, cũng lại như thế. Như vừa được ánh sáng kia, ắt đạt được quả vị địa thứ mười của Bồ-tát”.

Từ câu: “Do đức dựa vào địa mà thành” tiếp xuống: Là nêu ra lý do của việc nhắc lại lần nữa.

Từ câu: “Chẳng thế thì thành ra” tiếp xuống: Là nêu ngược lại để

xác lập.

Sớ câu: “Phần cuối của phần này, sự nối tiếp của Kinh chưa hết”: Do sự thuyết giảng lần lượt mở rộng nói về lợi ích xong thì phải nêu tóm kết để quy về Ánh sáng gốc cùng diệu lực của Tùy Hảo, và hiện điềm lành xác nhận lợi ích v.v... Nay đều không có những thứ ấy nên nêu rõ là chưa hết.
